Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3004.90.30

Mã HS	3004.90.30
Mô tả hàng hóa	Thuốc (trừ các mặt hàng thuộc nhóm 30.02, 30.05 hoặc 30.06) gồm các sản phẩm đã hoặc chưa pha trộn dùng cho phòng bệnh hoặc chữa bệnh, đã được đóng gói theo liều lượng (kể cả các sản phẩm thuộc loại dùng để hấp thụ qua da) hoặc làm thành dạng nhất định hoặc đóng gói để bán lẻ / - Loại khác: / - - Thuốc sát trùng (Antiseptics)
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	02/11/2026 22:29:22
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/30049030/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4624
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4624
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4624
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4546
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4507
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4507
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4507
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4507
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4507
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4507
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4545
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4545
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4545
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4545

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4545
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4545
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4549
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4549
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4549
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4549
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4549
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4549
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4549
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4513
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4509
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4509
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4509
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4509
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4509
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4509
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4509
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4509
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4509
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4509
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4509
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4509
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4556
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4556
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4556
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4556

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4556
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4556
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4553
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4553
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4553
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4553
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4553
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4553
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4561
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4561
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4561
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4561
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4561
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4561
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4532
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4532
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4532
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4532
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4532
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4532
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4534
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4534
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4534
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4534
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4534
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4534

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4532
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4532
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4532
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4532
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4532
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4532
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4532
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4553
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4553
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4553
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4553
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4553
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4553
RCEP B	2022	2022	0	B!D4553
RCEP B	2023	2023	0	B!E4553
RCEP B	2024	2024	0	B!F4553
RCEP B	2025	2025	0	B!G4553
RCEP B	2026	2026	0	B!H4553
RCEP B	2027	2027	0	B!I4553
RCEP C	2022	2022	0	C!D4553
RCEP C	2023	2023	0	C!E4553
RCEP C	2024	2024	0	C!F4553
RCEP C	2025	2025	0	C!G4553
RCEP C	2026	2026	0	C!H4553
RCEP C	2027	2027	0	C!I4553
RCEP D	2022	2022	0	D!D4553

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E4553
RCEP D	2024	2024	0	D!F4553
RCEP D	2025	2025	0	D!G4553
RCEP D	2026	2026	0	D!H4553
RCEP D	2027	2027	0	D!I4553
RCEP E	2022	2022	0	E!D4556
RCEP E	2023	2023	0	E!E4556
RCEP E	2024	2024	0	E!F4556
RCEP E	2025	2025	0	E!G4556
RCEP E	2026	2026	0	E!H4556
RCEP E	2027	2027	0	E!I4556
RCEP F	2022	2022	0	F!D4553
RCEP F	2023	2023	0	F!E4553
RCEP F	2024	2024	0	F!F4553
RCEP F	2025	2025	0	F!G4553
RCEP F	2026	2026	0	F!H4553
RCEP F	2027	2027	0	F!I4553
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4195
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4195
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4195
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4195

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Thuốc chỉ chứa 01 thành phần dược chất XK, NK (09/2024/TT-BYT-DM8)		09/2024/TT-BYT-DM	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3004.90 có 28 dòng thuế; dòng 3004.90.30 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Thuốc sát trùng (Antiseptics).	3004.90.10 Miếng thẩm thấu qua da dùng điều trị bệnh ung thư hoặc bệnh tim; 3004.90.20 Nước vô trùng đóng kín để xông, loại dược phẩm (SEN); 3004.90.41 Chứa procain hydroclorua; 3004.90.49 Loại khác; 3004.90.51 Chứa axit acetylsalicylic, paracetamol hoặc dipyrone (INN), dạng uống (*); 3004.90.53 Chứa diclofenac, dạng uống (*)	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3004.90.30. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 3004.90.30 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4624), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Thuốc chỉ chứa 01 thành phần dược chất XK, NK (09/2024/TT-BYT-DM8)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.